

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN
DU THANH OAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2025

Số: 38/BC-THPTNDTO

BÁO CÁO

Công khai năm 2024 theo Thông tư số 09/2024/TT- BGD ngày 03/6/2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường trung học phổ thông (THPT) Nguyễn Du - Thanh Oai.

2. Địa chỉ: QL 21B, xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội. Điện thoại: 0433.878.120; website: <http://c3nguyenduto.hanoi.edu.vn>.

3. Loại hình trường: Công lập. Cơ quan trực tiếp quản lý: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

4. Sứ mạng, Tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu

Sứ mạng: Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai có sứ mệnh giáo dục học sinh phát triển hết khả năng của mỗi cá nhân; chú trọng phát triển các phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Tầm nhìn: Xây dựng Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai là Trường học Hạnh phúc, có chất lượng giáo dục toàn diện.

Giá trị cốt lõi: Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai hướng tới 05 giá trị cốt lõi sau đây:

Kỷ cương và hiệu quả/ Tâm huyết và trách nhiệm/ Chủ động và sáng tạo/Trung thực và uy tín/ Hợp tác và phát triển.

Mục tiêu chung: Xây dựng trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai thành một trường có uy tín về nề nếp, chất lượng giáo dục toàn diện; đội ngũ cán bộ, giáo viên tâm huyết, có trình độ chuyên môn cao; cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, môi trường xanh-sạch-đẹp- thân thiện; phấn đấu đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm học 2024-2025.

5, Tóm tắt quá trình phát triển

Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai thành lập năm 1985 theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình. Trường nằm ở trên trục đường Quốc lộ 21B, tại địa bàn xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

Từ khi thành lập đến năm 1988, tên trường là Phổ thông trung học kỹ thuật Nguyễn Du.

Từ 1988 đến 1999 gọi là trường PTTH Nguyễn Du.

Từ 1999 đến 2008 gọi là trường THPT Nguyễn Du.

Từ 2008 đến nay (sau khi điều chỉnh địa giới hành chính Thủ đô) gọi là trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai.

- Nhiệm vụ: Đào tạo học sinh bậc trung học phổ thông cho con em các xã phía Nam huyện Thanh Oai và một số xã giáp ranh của huyện Ứng Hòa và huyện Chương Mỹ.

Năm học 2024 - 2025, tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường là 76 đồng chí, chia thành 5 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Đảng bộ nhà trường có 2 chi bộ với 38 đảng viên.

Nhà trường có tổng số 43 lớp với 1963 học sinh. Trong đó 14 lớp 12 (với 629 học sinh), 14 lớp 11 (với 659 học sinh), 15 lớp 10 (với 675 học sinh).

Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai xây dựng trên khuôn viên với tổng diện tích 25.000 m², có tường xây bao quanh, biển và cổng trường đúng quy cách theo Điều lệ trường THPT.

Nhiệm vụ chính trị trong nhà trường là thực hiện “Dạy tốt và Học tốt”, góp phần giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng trên địa bàn, phấn đấu trở thành một trường có chất lượng cao trong khu vực. Chính vì vậy, ở trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai, việc quản lý chất lượng giáo dục là vấn đề luôn được coi trọng hàng đầu. Nhà trường luôn yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên, các tổ nhóm chuyên môn, các tổ chức đoàn thể luôn chấp hành tốt kỷ luật lao động, qui chế chuyên môn.

Cơ sở vật chất:

- Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai xây dựng trên khuôn viên với tổng diện tích 25.000 m², có tường xây bao quanh, biển và cổng trường đúng quy cách theo Điều lệ trường THPT.

- Khu lớp học gồm 41 phòng học thông thường, kiên cố được trang bị bảng chống loá, hệ thống chiếu sáng đạt chuẩn, tất cả các phòng được trang bị máy chiếu Projector hoặc ti vi kích thước lớn và thiết bị âm thanh trợ giảng, có cửa kính, rèm và quạt đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông.

- Các phòng làm việc, phòng hội trường ... tương đối đầy đủ tiện nghi, thiết bị văn phòng phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học trong nhà trường.

- Các phòng chức năng phục vụ cho dạy và học gồm: Phòng thực hành các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, phòng học Ngoại ngữ, Tin học đều được đầu tư xây mới đúng quy cách theo tiêu chuẩn.

- Nhà trường có khoảng 100 máy vi tính phục vụ cho công tác quản lý và học tập. Trong đó có 2 phòng thực hành cho học sinh với 80 máy, được kết nối mạng Internet.

6. Đại diện nhà trường: Ông Nguyễn Văn Hùng, hiệu trưởng; Mail: c3nguyenduto@hanoi.edu.vn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC
	Tổng số GV, CBQL, NV	76	0	15	59	0	2
I	Giáo viên	63	0	12	51	0	0
	Trong đó						
1	Toán	14	0	4	14	0	0
2	Lý	7	0	1	7	0	0
3	Hóa	8	0	2	8	0	0
4	Sinh	4	0	2	4	0	0
5	Văn	7	0	0	7	0	0
6	Sử	3	0	0	3	0	0
7	Địa	3	0	0	3	0	0
8	NN	8	0	1	8	0	0
9	GDCD	4	0	0	4	0	0
10	TD	7	0	1	7	0	0
11	QP	2	0	0	2	0	0
12	CN	4	0	1	4	0	0
13	Tin	2	0	0	2	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0
III	Nhân viên	10	0	0	08	0	2
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	1	1	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	1	0
3	Thủ quỹ	1	0	0	0	0	1
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	1	0	
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	1	0	0
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0		0	0
8	Nhân viên	4	0	0	4	0	0

b. Chức danh nghề nghiệp

TT	Nội dung	Tổng số	Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số GV, CBQL, NV	76	0	13	60	0	2	76	0	
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	63	0	56	6	0				
1	Toán	9	0	8	1	0	1	7		
2	Vật lí	5	0	4	1	0				
3	Hóa học	4	0	3	1	0				
4	Tin học	3	0	2	1	0				
5	Sinh học	4	0	4	0	0				
6	Thể dục	4	0	3	1	0				
7	Giáo dục QPAN	1	0	1	0	0				
8	Ngữ văn	9	0	8	1	0	4	4		
9	Lịch sử	5	0	5	0	0				
10	Địa lí	4	0	4	0	0				
11	GDCD	2	0	2	0	0				
12	Tiếng Anh	10	0	10	0	0		10		
13	Kỹ thuật CN	1	0	1	0	0				
14	Kỹ thuật NN	1	0	1	0	0				
b)	Cán bộ quản lý	3	0	1	2	0				
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0				
2	Phó hiệu trưởng	2	0	1	1	0				
c)	Nhân viên	4	0							
1	Nhân viên văn thư		1							
2	Nhân viên kế		1							

	toán									
3	Thủ quỹ		0							
4	Nhân viên y tế		0							
5	Nhân viên thư viện		1							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm		1							
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người KT	0	0							
8	Nhân viên C>NN	0	0							

I. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Khu đất, diện tích, điểm trường, bình quân m²/1HS

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Tổng số diện tích đất (m ²)	25.000 m ²	12,7 m ² /hs. An toàn, không ô nhiễm; thuận lợi giao Thông.
2	Số điểm trường	1	

b) Phòng hành chính, quản trị; khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ, khu sân chơi thể dục, thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật đối sánh với yêu cầu qui định

- Khối phòng hành chính quản trị

- Phòng hành chính, quản trị

TT	Tên phòng	Đơn vị	Số lượng	Trang thiết bị	Đạt/không đạt
1	Phòng hiệu trưởng	Phòng	1	Đủ	Đạt
2	Phòng Phó hiệu trưởng	Phòng	2	Đủ	Đạt
3	Văn thư	Phòng	1	Đủ	Đạt
4	Phòng Thư ký	Phòng	1	Đủ	Đạt
5	Phòng Công đoàn	Phòng	1	Đủ	Đạt

6	Phòng tiếp công dân	Phòng	1	Đủ	Đạt
7	Phòng kế toán	Phòng	1	Đủ	Đạt
8	Phòng bảo vệ	Phòng	1	Đủ	Đạt
9	Phòng họp hội đồng	Phòng	1	Đủ	Đạt
10	Khu vệ sinh	Phòng	2	Đủ	Đạt
11	Nhà để xe CB, GV	Nhà	1	Đủ	Đạt

- Khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ

TT	Tên phòng	Đơn vị tính	Số lượng	Đủ/thiếu	Đạt/không đạt
Khối phòng học tập					
1	Phòng học có bàn, ghế đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt	Phòng	43	Đủ	Đạt
2	Phòng học âm nhạc	Phòng	01	Đang xây dựng	
3	Phòng học mỹ thuật	Phòng	0	Đang xây dựng	
4	Phòng học Công nghệ nông nghiệp	Phòng	01	Đủ	Đạt
5	Phòng học Công nghệ công nghiệp	Phòng	01	Đủ	Đạt
6	Phòng học Tin học	Phòng	02	Đủ	Đạt
7	Phòng học ngoại ngữ	Phòng	01	Đủ	Đạt
8	Phòng học đa chức năng,	Phòng	0		
9	Phòng học Vật lý	Phòng	01	Đủ	Đạt
10	Phòng học Hóa học	Phòng	01	Đủ	Đạt
11	Phòng học Sinh học	Phòng	01	Đủ	Đạt
12	Phòng học bộ môn KHXH	Phòng	02	Đang xây dựng	
Khối phòng hỗ trợ học tập					
1	Thư viện	Nhà	1	70 chỗ ngồi - loại kiên cố	Đạt
2	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	1	Đủ - loại kiên cố	Đạt
	Phòng tư vấn học đường	Phòng	1	Đủ - loại kiên cố	Đạt

3	Phòng truyền thống	Phòng	01		
1	Phòng Đoàn thanh niên	Phòng	01	Đủ	Đạt
Khối phòng phụ trợ					
1	Phòng họp	Phòng	1	Đủ	Đạt
2	Phòng họp tổ chuyên môn		6	Đủ - loại kiên cố	Đạt
3	Phòng nghỉ giáo viên	Phòng	1	Đủ - loại kiên cố	Đạt
4	Phòng Y tế học đường	Phòng	1	Đủ; có đủ thuốc theo qui định - loại kiên cố	Đạt
5	Nhà kho	Phòng	1	Đủ - loại kiên cố	Đạt
6	Khu để xe cho HS	Khu	3	Đủ; có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào	Đạt
7	Khu vệ sinh học sinh	Phòng	3	Đủ - loại kiên cố	Đạt
8	Cổng, hàng rào			Cổng kiên cố; có tường rào ngăn cách với bên ngoài	Đạt
Khu Sân chơi, thể dục thể thao					
1	Khu Sân chơi, thể dục thể thao được ngăn cách hàng rào cây xanh				Đạt
2	Sân bóng đá	Sân	01	Đủ	Đạt
3	Sân bóng chuyền	Sân	2	Đủ	Đạt
4	Sân bóng rổ	Sân	1	Đủ	Đạt
5	Nhà tập đa năng	Nhà	1	Đủ - loại kiên cố	Đạt

Khối phục vụ sinh hoạt: Không có

c) Hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống cấp nước sạch

Nhà trường có nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; có hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

- Hệ thống cấp điện

Nhà trường có Trạm biến áp, bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường.

10/10/2021
HỌ TÊN
DU
ĐẠI

- *Hệ thống phòng cháy, chữa cháy*

Có bể chứa nước, có bình phòng cháy, chữa cháy, bảo đảm theo các quy định hiện hành;

- *Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc*

Nhà trường có điện thoại (0433878120); các phòng học, phòng làm việc được kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường.

- *Khu thu gom rác thải*

Khu rác thải được bố trí độc lập, cách xa các khối phòng học, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường; có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm.

d) Thiết bị dạy học

- Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân số m²/học sinh
I.	Số phòng học	43	1,22
II.	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	43	1,22
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	12	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	25.000	12,7
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	8.500	6,0
VI	Tổng diện tích các phòng	2.242	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2365	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	760	
3	Diện tích thư viện (m ²)	64	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân số m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	800	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	80	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	24	
1.1	Khối lớp 10	8	8/13
1.2	Khối lớp 11	8	8/13
1.3	Khối lớp 12	8	8/14
2	Tổng số TBDH tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	7	
2.2	Khối lớp 11	7	
2.3	Khối lớp 12	7	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy tính đang sử dụng phục vụ học tập	81	21 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	21	01/lớp
2	Cát xét	4	0,09/lớp
3	Đầu video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu Overhead/projector	19	01/lớp
X	Nhà bếp (m²)	40	
XI	Nhà ăn (m²)	40	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	
XIII	Khu nội trú	0	
XIV	Nhà vệ sinh		
1.	Dùng cho giáo viên	4	Đạt chuẩn
2.	Dùng cho học sinh (Nam/Nữ)	8	Đạt chuẩn
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	



STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân số m ² /học sinh
XVI	Nguồn điện (Lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối Internet (ADSL)	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (Website)	Có	
XIX	Tường rào trường	Có	

Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn.

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường kiện toàn Hội đồng tự đánh giá tại theo Quyết định số 37/2024/QĐ-NDTO, ngày 02/08/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Du – Thanh Oai, gồm 21 thành viên; ban hành Kế hoạch về thực hiện nhiệm vụ khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục năm 2024-2025.

IV. KẾT QUẢ VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tuyển sinh vào 10 năm 2024-2025; số HS theo từng khối; bình quân HS/lớp: 45/1 lớp; nam, nữ; dân tộc thiểu số; chuyển trường đi-đến, đường link: <http://c3nguyenduto.hanoi.edu.vn/tai-nguyen/cong-khai-theo-thong-tu-09-2024/ket-qua-nam-hoc.html>.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh, đường link: <http://c3nguyenduto.hanoi.edu.vn/tai-nguyen/cong-khai-theo-thong-tu-09-2024/ket-qua-nam-hoc.html>

- Kết quả năm học 2023-2024, đường link: <http://c3nguyenduto.hanoi.edu.vn/tai-nguyen/cong-khai-theo-thong-tu-09-2024/ket-qua-nam-hoc.html>

- Số HS đậu tốt nghiệp: 588/588; Số HS đậu đại học trên 100 em.

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

- Kết quả báo cáo tài chính, đường link: <http://c3nguyenduto.hanoi.edu.vn/tai-nguyen/cong-khai-theo-thong-tu-09-2024/ket-qua-bao-cai-tai-chinh.html>

VI. KẾT QUẢ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Công tác cải cách hành chính: Nhà trường thực hiện tốt công tác chuyển đổi số, được Sở GDĐT công nhận mức 2.

- Công tác truyền thông: Nhà trường thành lập ban truyền thông, hằng tuần có tin bài về các hoạt động của ngành, các của địa phương.

- Công tác xây dựng cơ sở vật chất: Nhà trường tham mưu UBND thành phố Hà Nội, UBND huyện Thanh Oai đầu tư 8 tỷ đồng để xây dựng phòng bộ môn đảm bảo công tác dạy và học./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các tổ/đoàn thể, website Nhà trường;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thành Sơn

